

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THEO HÌNH THỨC PHÒNG VẤN
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
1	101	Phạm Tùng Anh	22/09/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	45	69	
2	102	Trịnh Mai Anh	10/02/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	45	69	
3	103	Nguyễn Thị Lan Anh	13/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
4	104	Trần Hải Anh	08/11/1997	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
5	105	Lê Tú Anh	01/11/1995	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	44	68	
6	106	Trần Kiều Anh	21/01/1994	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	55	79	
7	107	Phạm Nguyễn Phương Anh	04/04/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	47	72	
8	108	Phạm Thị Minh Ánh	20/10/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	49	80	
9	109	Nguyễn Duy Bảo	20/11/1989	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
10	110	Vũ Bảo Châu	16/02/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	45	76	
11	111	Nguyễn Tùng Chi	08/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	47	71	
12	112	Vũ Phan Hà Chi	18/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
13	113	Nguyễn Duy Cường	26/11/1991	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
14	114	Vũ Thị Dung	19/04/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	47	71	
15	115	Hoàng Thị Phương Dung	28/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
16	116	Trần Khương Duy	24/04/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	0	29	45	74	
17	117	Phạm Hoàng Duy	30/03/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	47	71	
18	118	Phạm Phương Duyên	19/10/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
19	119	Nguyễn Thị Thùy Dương	21/05/1988	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	48	73	
20	120	Trần Thị Thuỳ Dương	13/09/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
21	121	Nguyễn Thùy Dương	20/11/1990	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	30	50	80	
22	122	Vũ Thành Đạo	05/10/1994	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
23	123	Nguyễn Anh Đoàn	10/04/1987	Nam	Quản trị kinh doanh	0	29	54	83	
24	124	Đình Văn Đức	08/11/1988	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	48	73	
25	125	Nguyễn Ngân Giang	31/05/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	29	48	77	
26	126	Hoàng Ngọc Hải	07/10/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
27	127	Nguyễn Thị Thanh Hào	22/08/1985	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	52	77	
28	128	Bùi Thị Thuý Hằng	13/04/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
29	129	Lê Thị Hân	23/01/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	27	56	83	
30	130	Phùng Công Hiếu	18/11/2000	Nam	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	
31	131	Phạm Minh Hiếu	17/06/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	0	22	49	71	
32	132	Nguyễn Đình Hiếu	13/08/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	27	45	72	
33	133	Trần Tiến Hiếu	24/09/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	22	55	77	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
34	134	Đỗ Văn Hiệp	02/06/1993	Nam	Quản trị kinh doanh	0	22	57	79	
35	135	Lê Thị Hoà	08/11/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	57	81	
36	136	Nguyễn Duy Hồng	28/09/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	0	29	41	70	
37	137	Vũ Thị Huế	01/08/1987	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	59	84	
38	138	Trần Quang Huy	13/12/1988	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	52	76	
39	139	Trần Doãn Quốc Huy	11/11/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	
40	140	Hà Ngọc Huy	30/01/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	55	80	
41	141	Hà Quang Huy	16/12/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	51	75	
42	142	Phạm Thanh Huyền	14/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	29	43	72	
43	143	Trần Huệ Huyền	06/05/1985	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	54	79	
44	144	Trịnh Khánh Huyền	28/12/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	57	81	
45	145	Lê Mạnh Hùng	14/12/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	27	43	70	
46	146	Đỗ Thu Hương	14/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	29	42	71	
47	147	Vũ Thanh Hương	19/04/1981	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	59	84	
48	149	Hoàng Hữu Khánh	06/05/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	53	77	
49	150	Nguyễn Hà Linh	13/10/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	22	53	75	
50	151	Chữ Thị Khánh Linh	22/03/1998	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	
51	152	Dương Khánh Linh	05/12/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	22	59	81	
52	153	Nguyễn Thị Linh	04/09/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	47	78	
53	154	Trần Thị Bích Loan	10/02/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	22	57	79	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
54	155	Nguyễn Trần Thiên Long	13/05/2000	Nam	Quản trị kinh doanh	0	27	50	77	
55	156	Đinh Mai Ly	11/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	27	48	75	
56	157	Phạm Khánh Ly	16/08/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
57	158	Bùi Khánh Ly	19/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
58	159	Lê Thị Mai	29/08/1984	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	30	48	78	
59	160	Hứa Lê Hiền Mai	18/04/2005	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
60	161	Vũ Thanh Mai	21/02/1998	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	55	86	
61	162	Nguyễn Đức Mạnh	11/08/2004	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	45	70	
62	163	Vũ Quang Minh	08/05/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
63	164	Nguyễn Công Minh	21/08/1995	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	45	69	
64	165	Nguyễn Văn Minh	21/12/1986	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	51	76	
65	166	Đặng Hồng Minh	29/06/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	48	79	
66	167	Hoàng Tuấn Minh	31/03/2000	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
67	168	Nguyễn Thị Thuý Nga	29/12/1988	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	54	79	
68	169	Nguyễn Mai Ngân	01/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
69	170	Bùi Yến Ngọc	10/11/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	29	51	80	
70	171	Bùi Minh Ngọc	10/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
71	172	Nguyễn Bảo Ngọc	29/08/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	49	80	
72	173	Phạm Thảo Nguyên	24/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
73	174	Nguyễn Trọng Nhất	18/11/1997	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
74	175	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/07/1998	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	51	75	
75	176	Đoàn Nguyễn Quỳnh Như	31/12/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
76	177	Nguyễn Thu Phương	30/08/2000	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
77	178	Nguyễn Hà Phương	05/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	31	49	80	
78	179	Ngô Hồng Quảng	17/03/1988	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	55	80	
79	180	Dương Minh Quân	24/12/1984	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	55	80	
80	181	Hoàng Đình Quân	21/12/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	46	70	
81	182	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/12/1990	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	50	75	
82	183	Nguyễn Đăng Quý	20/11/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
83	184	Nguyễn Công Sang	24/05/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
84	185	Trần Hải Sơn	03/10/1999	Nam	Quản trị kinh doanh	0	29	42	71	
85	186	Nguyễn Thanh Tâm	27/01/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	50	75	
86	187	Đặng Thị Phương Thảo	14/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	54	78	
87	189	Bùi Văn Thịnh	16/01/1993	Nam	Quản trị kinh doanh	0	26	48	74	
88	190	Nguyễn Xuân Thịnh	27/02/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	27	48	75	
89	191	Phạm Thị Thu	29/09/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	48	73	
90	192	Đặng Thị Thủy	14/11/1986	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	56	80	
91	193	Lê Thanh Thủy	14/12/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
92	194	Nguyễn Văn Toàn	01/09/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	27	50	77	
93	195	Nguyễn Đức Toàn	06/12/1977	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	54	79	
94	196	Lưu Thị Thu Trang	17/10/1988	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	57	82	
95	197	Hoàng Thu Trà	17/06/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	48	73	
96	198	Hoàng Thành Trung	23/12/1986	Nam	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	
97	199	Hoàng Thị Trúc	11/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	22	56	78	
98	200	Đinh Ngọc Tuyền	18/08/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	55	79	
99	201	Nguyễn Trung Tuyền	25/05/1990	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	55	80	
100	202	Lê Hoàng Tùng	27/07/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	25	50	75	
101	203	Trần Thị Tú	20/02/1991	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	27	53	80	
102	204	Nguyễn Thị Tú Uyên	30/04/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
103	205	Tổng Hoàng Tú Uyên	13/10/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	
104	206	Lại Thị Vân	28/08/1990	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	56	80	
105	207	Đặng Hoàng Thảo Vân	01/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	56	80	
106	208	Nguyễn Thị Thanh Vân	29/08/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	29	52	81	
107	209	Nguyễn Thị Thùy Vân	05/08/1997	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	25	50	75	
108	210	Trần Quốc Việt	09/05/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
109	211	Tổng Quang Vinh	10/08/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
110	212	Nguyễn Hoàng Vũ	23/12/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	0	22	48	70	
111	213	Ngô Thị Hải Yến	03/10/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	48	72	
112	214	Nguyễn Thị Ngọc Yến	27/10/1998	Nữ	Quản trị kinh doanh	0	24	50	74	
113	215	Nguyễn Tuấn Anh	25/06/2002	Nam	Marketing thương mại	0	24	49	73	
114	216	Nguyễn Thị Phương Anh	27/11/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	24	54	78	
115	217	Trần Minh Anh	29/05/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	22	53	75	
116	218	Bùi Thị Thanh Bình	30/01/2002	Nữ	Marketing thương mại	0	27	50	77	
117	219	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/05/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	24	51	75	
118	220	Bạch Ngọc Minh Châu	18/02/1997	Nữ	Marketing thương mại	0	31	56	87	
119	221	Hạ Quỳnh Chi	29/01/2001	Nữ	Marketing thương mại	0	24	52	76	
120	222	Đặng Thị Hồng Duyên	05/02/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	24	51	75	
121	223	Trần Xuân Dương	09/09/1990	Nam	Marketing thương mại	0	24	52	76	
122	224	Đinh Thị Hương Giang	20/08/2001	Nữ	Marketing thương mại	0	31	55	86	
123	225	Nguyễn Hương Giang	08/12/1999	Nữ	Marketing thương mại	0	23	56	79	
124	226	Quách Văn Giáp	22/10/2004	Nam	Marketing thương mại	0	22	53	75	
125	227	Lê Thị Thu Hà	11/10/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	29	53	82	
126	228	Nguyễn Đức Huy	03/07/2004	Nam	Marketing thương mại	0	22	51	73	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
127	229	Nguyễn Thu Huyền	30/11/2002	Nữ	Marketing thương mại	0	29	52	81	
128	230	Phạm Huy Hùng	14/04/1997	Nam	Marketing thương mại	0	25	53	78	
129	231	Phùng Thị Hương	24/11/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	29	54	83	
130	232	Nguyễn Đức Hường	09/08/2004	Nam	Marketing thương mại	0	24	50	74	
131	233	Đinh Ngọc Lan	17/12/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	50	72	
132	234	Khúc Xuân Lâm	17/09/2003	Nam	Marketing thương mại	0	27	53	80	
133	235	Đặng Trần Tùng Lâm	11/09/1996	Nam	Marketing thương mại	0	25	54	79	
134	236	Phan Thùy Linh	27/01/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	24	53	77	
135	237	Phạm Hiểu Linh	21/09/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	27	53	80	
136	238	Nguyễn Văn Linh	03/03/1999	Nam	Marketing thương mại	0	25	51	76	
137	239	Nguyễn Phương Linh	04/03/2002	Nữ	Marketing thương mại	0	0	0	0	
138	240	Phạm Thị Khánh Linh	28/11/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	0	0	0	
139	241	Mai Thị Phương Loan	16/06/1988	Nữ	Marketing thương mại	0	30	54	84	
140	242	Tăng Văn Lương	11/01/2002	Nam	Marketing thương mại	0	22	54	76	
141	243	Nguyễn Thị Ngọc Mai	31/10/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	22	47	69	
142	244	Nguyễn Đức Mạnh	17/12/2002	Nam	Marketing thương mại	0	29	55	84	
143	245	Đoàn Tuấn Minh	30/01/2002	Nam	Marketing thương mại	0	24	54	78	
144	246	Nguyễn Văn Minh	26/11/1989	Nam	Marketing thương mại	0	25	51	76	
145	247	Đào Trang My	16/09/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	50	72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
146	248	Giáp Trà My	22/12/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	38	60	
147	249	Đào Kim Ngân	05/08/2002	Nữ	Marketing thương mại	0	29	54	83	
148	250	Nguyễn Thị Kiều Ngân	21/07/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	27	50	77	
149	251	Trần Bảo Ngọc	25/12/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	29	52	81	
150	252	Vũ Hoàng Yến Nhi	30/08/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	51	73	
151	253	Trần Linh Nhi	01/04/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	48	70	
152	254	Nguyễn Thị Thu Phương	20/11/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	31	51	82	
153	255	Lê Thị Hà Phương	09/08/2001	Nữ	Marketing thương mại	0	24	52	76	
154	256	Tiền Thị Ánh Phương	24/07/1998	Nữ	Marketing thương mại	0	27	53	80	
155	257	Phạm Thu Thanh	20/07/1996	Nữ	Marketing thương mại	0	29	51	80	
156	258	Lê Thị Thu Thảo	24/03/2001	Nữ	Marketing thương mại	0	24	51	75	
157	259	Trần Đức Thắng	04/04/2000	Nam	Marketing thương mại	0	25	51	76	
158	260	Nguyễn Phú Thịnh	23/12/2004	Nam	Marketing thương mại	0	24	51	75	
159	261	Hoàng Văn Thịnh	20/04/2003	Nam	Marketing thương mại	0	29	51	80	
160	262	Dương Thị Thơ	17/05/2002	Nữ	Marketing thương mại	0	27	46	73	
161	263	Nguyễn Kim Thúy	19/08/1992	Nữ	Marketing thương mại	0	0	0	0	
162	264	Nguyễn Minh Thương	15/12/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	54	76	
163	265	Dương Thị Như Trang	02/09/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	22	54	76	
164	266	Chu Thị Tuyết	22/10/2000	Nữ	Marketing thương mại	0	24	50	74	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
165	267	Đoàn Thị Thu Uyên	09/05/1998	Nữ	Marketing thương mại	0	22	53	75	
166	268	Võ Thị Hà Vi	25/09/2004	Nữ	Marketing thương mại	0	23	51	74	
167	269	Nguyễn Thị Xuân	07/11/1994	Nữ	Marketing thương mại	0	31	54	85	
168	270	Nguyễn Thị Xuân	29/06/2001	Nữ	Marketing thương mại	0	31	51	82	
169	271	Đồng Thị Hoàng Yến	13/08/2003	Nữ	Marketing thương mại	0	31	51	82	
170	272	Dương Thị Vân Anh	04/08/2003	Nữ	Kế toán	0	25	59	84	
171	273	Nguyễn Minh Anh	19/05/2003	Nữ	Kế toán	0	0	0	0	
172	274	Phạm Thị Ngọc Anh	01/12/1991	Nữ	Kế toán	0	25	55	80	
173	275	Phạm Kỳ Duyên	14/09/2000	Nữ	Kế toán	0	24	57	81	
174	276	Nguyễn Quốc Đạt	08/11/1980	Nam	Kế toán	0	26	60	86	
175	277	Phạm Thu Giang	07/08/2002	Nữ	Kế toán	0	29	56	85	
176	278	Trịnh Linh Hằng	27/02/2003	Nữ	Kế toán	0	27	57	84	
177	279	Lê Thị Hằng	12/10/1989	Nữ	Kế toán	0	26	60	86	
178	280	Nguyễn Thị Hằng	15/09/1996	Nữ	Kế toán	0	25	60	85	
179	281	Nguyễn Thị Hiền	11/03/1985	Nữ	Kế toán	0	28	60	88	
180	282	Nguyễn Thị Hoa	03/06/2003	Nữ	Kế toán	0	25	58	83	
181	283	Nguyễn Thanh Huyền	13/12/2001	Nữ	Kế toán	0	24	58	82	
182	284	Nguyễn Thị Huyền	19/09/1989	Nữ	Kế toán	0	30	60	90	
183	285	Phạm Ngọc Hùng	12/10/2003	Nam	Kế toán	0	31	58	89	
184	286	Ngô Thị Thu Hương	11/09/1993	Nữ	Kế toán	0	30	60	90	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
185	287	Nguyễn Thị Kim Liên	05/02/1988	Nữ	Kế toán	0	28	60	88	
186	288	Hoàng Diệu Khánh Linh	23/04/2003	Nữ	Kế toán	0	25	57	82	
187	289	Nguyễn Thị Loan	16/08/1985	Nữ	Kế toán	0	28	60	88	
188	290	Bùi Trần Vân Ngọc	27/09/2004	Nữ	Kế toán	0	24	59	83	
189	291	Nguyễn Hồng Nhung	05/12/2003	Nữ	Kế toán	0	29	56	85	
190	292	Nguyễn Thị Thu Phương	26/06/1992	Nữ	Kế toán	0	28	60	88	
191	293	Vũ Thị Hồng Phương	13/08/1992	Nữ	Kế toán	0	30	60	90	
192	294	Phạm Thị Diễm Quỳnh	02/02/2001	Nữ	Kế toán	0	24	60	84	
193	295	Đỗ Tú Quỳnh	28/10/1987	Nữ	Kế toán	0	30	60	90	
194	296	Nguyễn Phương Thanh	12/12/2002	Nữ	Kế toán	0	24	56	80	
195	297	Trịnh Kim Thoa	20/05/1974	Nữ	Kế toán	0	28	60	88	
196	298	Phạm Anh Thư	02/09/2004	Nữ	Kế toán	0	24	59	83	
197	299	Nguyễn Tử Khánh Toàn	19/10/2002	Nam	Kế toán	0	24	56	80	
198	300	Vũ Thu Trang	25/04/2002	Nữ	Kế toán	0	24	56	80	
199	301	Nguyễn Hồng Anh	19/08/1999	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	60	84	
200	302	Hoàng Minh Đức Anh	15/07/2002	Nam	Quản lý kinh tế	0	29	56	85	
201	303	Phạm Hà Anh	20/07/2004	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
202	304	Đỗ Quỳnh Anh	06/01/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
203	305	Trịnh Hải Anh	15/04/2000	Nam	Quản lý kinh tế	0	29	56	85	
204	306	Lê Thị Mai Anh	26/08/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	
205	307	Lê Thị Lan Anh	06/03/1993	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	60	85	
206	308	Phạm Linh Chi	23/05/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	60	84	
207	309	Từ Thị Dung	12/02/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	58	80	
208	310	Nguyễn Phan Thuỳ Dương	23/10/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
209	311	Bùi Tiến Đạt	09/10/2001	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
210	312	Trần Mạnh Đạt	04/09/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	27	55	82	
211	313	Nguyễn Hữu Đức	20/10/1989	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
212	314	Nguyễn Trường Giang	18/06/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	
213	315	Tạ Hương Giang	06/02/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	27	53	80	
214	316	Trần Văn Giang	16/04/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	27	53	80	
215	317	Nguyễn Việt Hà	27/12/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	
216	318	Nguyễn Thị Thanh Hà	07/07/1984	Nữ	Quản lý kinh tế	0	28	54	82	
217	319	Lê Thị Hà	01/02/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	27	54	81	
218	320	Bùi Minh Hà	15/06/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	27	56	83	
219	321	Ngô Anh Hào	20/09/2001	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	
220	322	Lê Văn Hải	17/10/1999	Nữ	Quản lý kinh tế	0	0	0	0	
221	323	Nguyễn Việt Hải	09/01/2002	Nam	Quản lý kinh tế	0	27	57	84	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
222	324	Trần Thị Hằng	19/09/1984	Nữ	Quản lý kinh tế	0	28	55	83	
223	325	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27/11/1992	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
224	326	Đỗ Minh Hiếu	24/04/1999	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	60	82	
225	327	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	25/10/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	58	80	
226	328	Nguyễn Thị Khánh Hòa	13/04/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	54	78	
227	329	Lưu Xuân Hòa	23/02/1986	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	55	79	
228	330	Nguyễn Việt Hồng	31/12/1999	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
229	331	Nguyễn Thị Huê	13/04/1993	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
230	332	Trần Thị Minh Huệ	26/03/1986	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	58	83	
231	333	Lê Quang Huy	26/04/1985	Nam	Quản lý kinh tế	0	25	59	84	
232	334	Phạm Vũ Hưng	29/07/2004	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	58	80	
233	335	Nguyễn Thị Thu Hương	13/06/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	54	76	
234	336	Đinh Thị Thanh Hương	02/02/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	55	79	
235	337	Nguyễn Thị Mai Hương	26/05/1996	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	55	77	
236	338	Đinh Hoàng Kim	23/10/1998	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
237	339	Tạ Hoàng Lan	03/07/1981	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	59	84	
238	340	Lê Thu Lan	15/06/1996	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	55	79	
239	341	Riola Kathy Linh	29/06/1999	Nữ	Quản lý kinh tế	0	22	56	78	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
240	342	Vũ Thị Linh	16/04/1993	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
241	343	Vũ Thành Luân	03/09/1991	Nam	Quản lý kinh tế	0	25	55	80	
242	344	Vũ Thị Thanh Mai	01/07/1996	Nữ	Quản lý kinh tế	0	32	56	88	
243	345	Ngô Đức Mạnh	07/11/2001	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
244	346	Nguyễn Đức Minh	09/02/2000	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	59	81	
245	347	Nguyễn Thành Nam	20/06/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	22	57	79	
246	348	Hà Ánh Nga	08/10/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	23	56	79	
247	349	Trương Thị Thuý Nga	22/07/1981	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	57	82	
248	350	Đinh Thị Thanh Ngà	31/05/1990	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	58	83	
249	351	Trần Thanh Nghĩa	10/06/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	0	0	0	
250	352	Lê Diễm Ngọc	21/09/1998	Nữ	Quản lý kinh tế	0	30	56	86	
251	353	Nguyễn Thị Minh Ngọc	06/07/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	60	89	
252	354	Trương Hồng Nhung	27/12/1983	Nữ	Quản lý kinh tế	0	28	58	86	
253	355	Quách Thị Phương	14/10/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
254	356	Trần Thị Hà Phương	25/06/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
255	357	Đoàn Bích Phượng	24/08/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
256	358	Phùng Anh Quang	23/06/2002	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	50	74	
257	359	Đinh Thị Lệ Quỳnh	14/11/1994	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	55	80	
258	360	Phùng Diễm Quỳnh	23/09/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	31	50	81	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
259	361	Nguyễn Trường Sơn	21/07/1973	Nam	Quản lý kinh tế	0	25	58	83	
260	362	Nguyễn Chí Thanh	28/01/2001	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
261	363	Bùi Thị Thảo	21/08/1995	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	53	77	
262	364	Phạm Hồng Thái	16/04/1998	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	52	76	
263	365	Dương Đình Thịnh	23/09/1999	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	52	76	
264	366	Nguyễn Thị Thơ	18/08/1985	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	50	75	
265	367	Ngô Diễm Thuý	15/03/2002	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
266	368	Trần Thị Bích Thủy	03/08/1987	Nữ	Quản lý kinh tế	0	28	58	86	
267	369	Trần Thị Thu Thủy	24/04/1981	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	58	83	
268	370	Nguyễn Thanh Trà	10/12/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	55	79	
269	371	Ma Thị Thủy Trâm	28/07/1995	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
270	372	Nguyễn Công Tuấn	27/01/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
271	373	Ngô Minh Tuấn	25/07/1979	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
272	374	Trịnh Hồng Tư	24/10/1996	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	55	79	
273	375	Nguyễn Thị Hải Vân	19/11/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	56	85	
274	376	Lý Hồng Vân	27/03/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
275	377	Nguyễn Hồng Vân	23/03/1997	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	58	83	
276	378	Nguyễn Thị Xuân	10/03/1981	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	55	80	
277	379	Trịnh Phương Yến	08/02/1998	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	53	82	
278	380	Trần Hồng Ngọc Anh	07/04/2002	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	51	75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
279	381	Quản Tuấn Anh	23/02/1982	Nam	Quản lý kinh tế	0	28	47	75	
280	382	Nguyễn Ngọc Ánh	11/10/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	46	75	
281	383	Trần Việt Bách	15/06/2002	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
282	384	Nguyễn Lê Minh Châu	10/12/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
283	385	Phạm Thành Chung	20/08/1990	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
284	386	Lã Thị Thu Hà	18/01/1987	Nữ	Quản lý kinh tế	0	25	55	80	
285	387	Hoàng Minh Hải	11/10/2000	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	54	78	
286	388	Vũ Thị Hạnh	10/09/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
287	389	Lò Mạnh Hùng	06/04/1999	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	51	75	
288	390	Nguyễn Trung Kiên	30/04/2000	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
289	391	Lý Thị Hồng Liên	12/01/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
290	392	Chu Thị Thùy Linh	19/10/1997	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
291	393	Phạm Hoài Linh	21/12/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	51	75	
292	394	Tổng Nhật Mai	19/11/1998	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	54	83	
293	395	Hoàng Quang Minh	22/02/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	29	46	75	
294	396	Phạm Hoàng Hà My	12/07/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
295	397	Hoàng Bình Nguyên	28/02/2003	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	56	80	
296	398	Hà Thị Nhiều	22/07/2000	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
297	399	Trần Thu Phương	23/05/2001	Nữ	Quản lý kinh tế	0	29	49	78	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
298	400	Châu Thị Tâm	13/02/1989	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
299	401	Hà Hương Thu	30/01/1988	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
300	402	Nguyễn Lê Minh Thuận	20/11/1998	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	57	81	
301	403	Phạm Tường Văn	20/01/1992	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	58	82	
302	404	Nguyễn Thanh Vân	17/06/1995	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
303	405	Cao Minh Vương	14/12/1991	Nam	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
304	406	Vy Thị Xuyên	12/07/1992	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
305	407	Lưu Hải Yến	11/02/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	0	24	59	83	
306	408	Bùi Hoàng Minh Anh	14/08/2000	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	25	55	80	
307	409	Phạm Kim Anh	26/08/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	31	52	83	
308	410	Hà Thị Lan Anh	06/11/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	52	76	
309	411	Nguyễn Lan Anh	04/05/1997	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	32	52	84	
310	412	Bùi Huyền Anh	09/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	58	82	
311	413	Nguyễn Thu Anh	28/11/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	57	86	
312	414	Nguyễn Hà Chi	09/10/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	55	79	
313	415	Phạm Thùy Dịu	30/08/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0	0	
314	416	Nguyễn Thị Thuý Dung	19/09/1989	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	28	56	84	
315	417	Lê Vinh Duy	07/09/2001	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	53	82	
316	418	Nguyễn Thị Ánh Dương	28/09/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	57	86	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
317	419	Bùi Đức Dượng	20/04/1993	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	52	81	
318	420	Nguyễn Thành Đạt	20/06/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	58	87	
319	421	Đào Tuấn Đạt	05/07/1998	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	25	58	83	
320	422	Lâm Văn Đông	03/01/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	50	79	
321	423	Nông Thị Châu Giang	08/11/2001	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	53	77	
322	424	Bùi Thế Giang	07/05/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	57	86	
323	425	Nguyễn Thị Hương Giang	14/07/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	54	83	
324	426	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/04/1990	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	57	86	
325	427	Nguyễn Trung Hiếu	27/10/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	55	84	
326	428	Trương Hoàng Hiệp	25/10/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0	0	
327	429	Tạ Việt Hoàng	30/01/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	53	82	
328	430	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/02/1997	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	25	54	79	
329	431	Phan Thị Huyền	01/08/1987	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	30	57	87	
330	432	Trần Việt Hùng	30/04/1986	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	28	58	86	
331	433	Đinh Ngọc Khánh	20/02/1990	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	32	56	88	
332	434	Trần Việt Khánh	21/07/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	47	71	
333	435	Quản Thành Khôi	09/08/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	29	50	79	
334	436	Nguyễn Trung Kiên	30/11/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	54	78	
335	437	Lê Hoàng Lâm	21/06/1995	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	30	52	82	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
336	438	Phạm Đức Long	25/09/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	53	77	
337	439	Nguyễn Quang Minh	26/11/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	31	54	85	
338	440	Trần Quang Minh	20/11/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	51	75	
339	441	Bùi Phương My	04/03/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	50	79	
340	442	Đỗ Khoa Nguyên	06/01/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	50	74	
341	443	Lê Hà Thảo Nguyên	30/05/2004	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	53	77	
342	444	Nguyễn Phương Hà Nhi	14/11/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	53	82	
343	445	Lê Thị Cẩm Nhung	01/09/2000	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	51	75	
344	446	Tạ Quang Phúc	05/04/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	31	54	85	
345	447	Phan Thị Thu Phương	25/11/1996	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	25	52	77	
346	448	Trương Lan Phương	07/05/1991	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	30	52	82	
347	449	Nguyễn Dương Quỳnh	20/12/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	31	54	85	
348	450	Kiều Thành Sơn	17/10/2003	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	53	77	
349	451	Hoàng Thị Phương Thảo	27/04/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	50	74	
350	452	Nguyễn Văn Thắng	22/10/1994	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	30	52	82	
351	453	Nguyễn Thị Thuận	11/06/1993	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	25	52	77	
352	454	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23/02/1985	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	25	56	81	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
353	455	Nguyễn Huyền Trang	08/02/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	29	51	80	
354	456	Nguyễn Đỗ Huyền Trang	03/11/2003	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	50	74	
355	457	Lê Thị Kim Trang	20/03/1998	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	52	76	
356	458	Nguyễn Khang Vỹ	06/03/2004	Nam	Tài chính - Ngân hàng	0	24	51	75	
357	459	Ngô Thị Hải Yến	30/09/1999	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	0	24	52	76	
358	460	Lê Thị Phương Anh	22/11/1997	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	55	80	
359	461	Đinh Kiều Anh	21/06/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	54	78	
360	462	Lê Quỳnh Anh	06/06/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	27	53	80	
361	463	Trần Thế Tuấn Anh	28/04/2004	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	56	80	
362	464	Phạm Lê Quỳnh Anh	08/06/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	55	79	
363	465	Hoàng Thị Cầm	02/04/1982	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	55	80	
364	466	Lê Xuân Cường	14/06/1999	Nam	Quản trị nhân lực	0	29	52	81	
365	467	Nguyễn Tùng Dương	13/11/1996	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	55	79	
366	468	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/03/2000	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	58	83	
367	469	Hoàng Giang	17/11/1979	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	
368	470	Lương Thị Thu Hà	27/08/1993	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	55	80	
369	471	Nguyễn Thị Phương Hào	05/10/2000	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	56	80	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
370	472	Nguyễn Thu Hằng	11/12/2000	Nữ	Quản trị nhân lực	0	29	56	85	
371	473	Phạm Minh Hằng	28/09/1982	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	57	81	
372	474	Trương Thị Thu Hiền	03/04/1983	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	
373	475	Nguyễn Minh Hoàng	31/12/1987	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	56	80	
374	476	Nguyễn Khánh Huyền	05/06/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	57	81	
375	477	Ninh Thị Hương	12/10/1988	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	54	79	
376	478	Phạm Thị Thu Hường	04/10/2002	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	56	80	
377	479	Vũ Đức Kiên	10/08/2000	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	57	81	
378	480	Nguyễn Thị Liên	29/07/1999	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	55	79	
379	481	Nguyễn Thị Liên	05/11/1983	Nữ	Quản trị nhân lực	0	30	57	87	
380	482	Nguyễn Khánh Linh	12/11/1995	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	55	79	
381	483	Phạm Thị Bằng Linh	03/11/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	55	79	
382	484	Nguyễn Tuấn Linh	26/11/2002	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
383	485	Nghiêm Thị Thu Mười	01/08/2002	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	49	73	
384	486	Trần Quỳnh Nga	21/03/2002	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
385	487	Lê Thị Kim Ngân	19/08/1983	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	53	78	
386	488	Nguyễn Thảo Nguyên	10/03/1994	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
387	489	Lê Thị Thanh Nhân	19/05/1989	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
388	490	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/10/1996	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	
389	491	Nguyễn Hồng Nhung	19/06/2004	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
390	492	Đỗ Thị Hồng Nhung	24/05/1990	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	53	77	
391	493	Đỗ Thị Tú Quyên	03/03/1979	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	
392	494	Nguyễn Thị Yến Quyên	16/04/2002	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	53	77	
393	495	Nguyễn Thọ Sơn	11/07/1997	Nam	Quản trị nhân lực	0	24	48	72	
394	496	Hoàng Thị Thanh	06/02/1991	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	54	79	
395	497	Phùng Thị Thảo	31/01/1997	Nữ	Quản trị nhân lực	0	29	56	85	
396	498	Nguyễn Phương Thảo	03/04/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
397	499	Nguyễn Thị Hồng Thắng	05/10/1981	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	55	80	
398	500	Lê Thị Thu	07/10/1979	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	56	81	
399	501	Nguyễn Thu Trang	13/04/2000	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	51	75	
400	502	Mạc Thị Quỳnh Trang	08/07/2002	Nữ	Quản trị nhân lực	0	24	49	73	
401	503	Võ Thị Kiều Trang	30/09/2003	Nữ	Quản trị nhân lực	0	29	51	80	
402	504	Đào Minh Trang	14/01/2000	Nữ	Quản trị nhân lực	0	27	51	78	
403	505	Lê Văn Tuấn	20/12/1982	Nam	Quản trị nhân lực	0	25	50	75	
404	506	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	16/02/2004	Nữ	Quản trị nhân lực	0	22	53	75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký	Điểm ưu tiên	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
405	507	Hoàng Thị Xuân	04/02/1985	Nữ	Quản trị nhân lực	0	25	58	83	

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS

PGS, TS. Nguyễn Hoàng